TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2023/DS-ST
Ngày: 27-9-2023.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Hiếu.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Không.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 321/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2023/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Lê Thị Phượng L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn*: Nguyễn Quốc V và Trần Thị P. Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2023, nguyên đơn trình bày: Vào tháng 01 năm 2021 vợ chồng bà Trần Thị P và ông Nguyễn Quốc V có đến nhà bà L mượn số tiền là 40.000.000 đồng. Nói là mượn tiền để kinh doanh mua bán sau vài ngày sẽ trả tiền đủ cho bà L. Nhưng đến tháng 02 năm 2022 chỉ trả cho bà L được 6.000.000 đồng. Ông V và bà P xin L cho trả nợ từng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng vì hoàn cảnh gia đình đang khó khăn, nhưng sau đó vẫn không thực hiện. Bà L có nhiều lần đến nhà họ yêu cầu trả nợ tiền và có nhắn tin điện thoại yêu cầu trả số tiền còn nợ, nhưng ông V và bà P chỉ hứa hẹn và không thực hiện trả tiền cho bà L. Từ tháng 02 năm 2022 đến nay ông V và bà P còn nợ tiền bà L là 34.000.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu Toà án nhân dân huyện Kẻ Sách giải quyết: Buộc bà Trần Thị P và ông Nguyễn Quốc V có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà L là 34.000.000 đồng. Tính lãi theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, có nội dung như sau: Buộc ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Thị P cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ vay là 34.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Đối với các bị đơn là bà Trần Thị P và ông Nguyễn Quốc V*: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các bị đơn nhưng các bị đơn không tham gia tố tụng cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông, bà; cũng không có người đại diện hợp pháp của các bị đơn tham gia tố tụng, nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của bà P và ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

- Nguyên đơn Lê Thị Phượng L có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Thị P cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ vay là 34.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, nội dung thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] *Về nội dung vụ án*: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 34.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Nguyên đơn L tự khai nhận vào tháng 01 năm 2022 các bị đơn là ông V và bà L có vay bà với số tiền 40.000.000 đồng. Lời trình bày của bà L là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với Giấy mượn tiền lập ngày 1/1/2022 có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Thị P ký nhận mà bà L cung cấp cho Tòa án. Đồng thời bà L tự thừa nhận, sau khi vay ông V và bà P đã trả cho bà được số tiền 6.000.000 đồng, ông V và bà P chỉ còn nợ bà 34.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Về phía các bị đơn là ông V và bà P, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V và bà P nhưng ông V và

bà P cố tình vắng mặt tại địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho bà L nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với bà L, nên được coi là ông V và bà P đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình trong vụ án này.

[2.2] Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ nhận định rằng: Hợp đồng vay tài sản (là tiền) giữa nguyên đơn là bà Lê Thị Phượng L và bị đơn là ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Thị P thực tế có xảy ra, hợp đồng được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng phía bà L và ông V, bà P đều là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Thị P cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn là bà Lê Thị Phượng L số tiền nợ vay là 34.000.000 đồng, không tính lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận; Bị đơn không cung cấp được các giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, cụ thể: 34.000.000 đồng x 5% = 1.700.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án này theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Phượng L.

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Thị P cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn là bà Lê Thị Phượng L số tiền nợ vay là 34.000.000 đồng, không tính lãi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn cùng phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn là ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Thị P cùng có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.700.000 đồng.

- Nguyên đơn là Lê Thị Phượng L được nhận lại 850.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010495 ngày 12/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn (đều vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂNTHẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Hiếu Tăng Thị Bạch V1 **Tô Thị Bích Duyên**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂNTHẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Hiếu Tăng Thị Bạch V1 **Tô Thị Bích Duyên**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂNTHẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn Trần Xươnne Tô Thị Bích D